

# **Xây dựng nền nông nghiệp xanh, hướng tới phát triển bền vững**

*GS, TS. Nguyễn Hồng Sơn*

*Ngô Đức Minh*

**Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam**

**Tóm tắt:** *Trong những năm qua, ngành nông nghiệp nước ta đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần giảm nghèo, ổn định kinh tế - xã hội và trở thành một trong 5 nhà xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới. Tuy nhiên, mô hình tăng trưởng nông nghiệp của Việt Nam hiện nay còn bộc lộ nhiều điều đáng lo ngại về chất lượng và tính bền vững. Bài viết phân tích một số thách thức trong xây dựng nền nông nghiệp xanh tại Việt Nam, đồng thời đưa ra một số khuyến nghị chính sách trong thời gian tới.*

**Từ khóa:** *nông nghiệp xanh, phát triển bền vững*

## **1. Bối cảnh và tính cấp thiết của việc xây dựng nền nông nghiệp xanh, phát triển bền vững tại Việt Nam**

Hiện nay, ngành nông nghiệp cũng đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn, từ các vấn đề nội tại lẫn các yếu tố khách quan: nguồn tài nguyên cạn kiệt, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, biến động thị trường và biến chuyển xu thế tiêu dùng của thế giới. Nông nghiệp không chỉ là ngành chịu tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu mà còn là nguồn gây phát thải khí nhà kính đáng kể. Theo số liệu kiểm kê khí nhà kính năm 2016, sản xuất nông nghiệp chiếm 13,9% tổng lượng phát thải khí nhà kính của quốc gia. Phát thải tập trung ở các lĩnh vực trồng lúa nước, chăn nuôi, quản lý đất, sử dụng phân bón, quản lý đất phát thải... Phát thải nông nghiệp bao gồm khí CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub> và N<sub>2</sub>O. Việt Nam có dấu chân carbon khá cao trong sản phẩm nông nghiệp và điều này gây ảnh hưởng đến thành tích mà Việt Nam đã đạt được trong vòng 30 năm qua. Một số vùng ở Việt Nam như Đồng bằng sông Cửu Long dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu như nước biển dâng, xâm nhập mặn, mưa bất thường, hạn hán... dự kiến sẽ làm giảm năng suất lúa gạo trong vòng 30 năm tới.

Nông nghiệp Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc từ năm 1986 đến nay. Sự phát triển mạnh mẽ của ngành nông nghiệp đã giúp Việt Nam cải thiện đáng kể an ninh lương thực, góp phần giảm nghèo, ổn định kinh tế - xã hội và trở thành một trong 5 nhà xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới. Tuy nhiên, mô hình tăng trưởng nông nghiệp của Việt Nam hiện nay còn bộc lộ nhiều điều đáng lo ngại về chất lượng

và tính bền vững. Mô hình tăng trưởng của nông nghiệp dựa vào sản lượng và năng suất đã gần chạm ngưỡng, trong khi dễ dẫn tới tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội. Để đảm bảo được mục tiêu phát triển bền vững, việc chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng nông nghiệp mới trở thành một yêu cầu cấp bách và cần thiết.

Để thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, đưa đất nước trở thành quốc gia sản xuất "xanh", phát thải thấp và cung cấp thực phẩm theo hướng minh bạch - trách nhiệm - bền vững, trong thời gian tới, chúng ta cần phải có những nỗ lực rất lớn, không chỉ từ phía Chính phủ, mà cả khối tư nhân gồm các doanh nghiệp, người sản xuất trực tiếp cùng tham gia thực hiện ở các quy mô khác nhau để khơi thông nguồn lực đầu tư của toàn xã hội đầu tư cho phát triển hạ tầng nông nghiệp, thúc đẩy sự tham gia của khối tư nhân trong đầu tư, phát triển và ứng dụng tiên bộ trong sản xuất nông nghiệp và nhân rộng mô hình hợp tác công tư, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong các chuỗi giá trị nông nghiệp, từ đó phát triển một nền nông nghiệp xanh, carbon thấp và bền vững.

Ngành nông nghiệp cần thay đổi từ tư duy địa phương sang tư duy toàn cầu; từ tư duy khai thác sang tư duy nuôi dưỡng; từ tư duy ngắn hạn sang tư duy dài hạn và bền vững. Cần hướng tới những “giá trị xanh” được tạo nên từ “chuyển đổi xanh, tiêu dùng xanh, kinh tế xanh”. Đẩy mạnh tích hợp các giá trị xanh, đa dạng sinh học sẽ là những bước đột phá đưa Việt Nam trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo lương thực, thực phẩm của châu Á thay vì chỉ xuất khẩu sản phẩm thô, làm gia công với giá trị gia tăng thấp, dựa trên khai thác cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và nguồn lực xã hội. Ngành nông nghiệp bền vững cần dựa vào tri thức, xoay quanh giá trị tăng thêm, giảm thâm dụng tài nguyên, giảm đáng kể dấu chân carbon, nhạy bén hơn trước nhu cầu trên toàn cầu với sản phẩm thân thiện môi trường. Theo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lê Minh Hoan: “Vấn đề của chúng ta không phải là lựa chọn, mà là hành động. Xanh hóa nền nông nghiệp không phải gánh nặng mà là cơ hội, cần xác định tâm thế này để thay đổi. Đây còn là trách nhiệm với hàng chục triệu hộ nông dân”.

## **2. Thách thức trong xây dựng nền nông nghiệp xanh tại Việt Nam**

Nông nghiệp xanh được xem là mô hình phát triển nông nghiệp chủ đạo trong tương lai. Việt Nam có thế mạnh sản xuất nông nghiệp, nông dân có kỹ năng sản xuất, tăng trưởng nông nghiệp rất tốt trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, để xây dựng nông

ng nghiệp Việt Nam có thể tiệm cận với nông nghiệp xanh vẫn còn nhiều “điểm nghẽn” cần vượt qua, điểm bắt cập cần tháo gỡ.

### ***Thứ nhất, nông nghiệp Việt Nam vẫn dựa trên sản xuất quy mô nhỏ lẻ***

Muốn nông nghiệp xanh thành công phải dựa trên điều kiện diện tích canh tác lớn, các hình thức sản xuất khép kín, tập trung để tận dụng hiệu quả các ứng dụng khoa học công nghệ. Tuy nhiên, Việt Nam hiện có khoảng 9 triệu hộ nông dân sản xuất quy mô nhỏ với trên 70 triệu miếng ruộng. Diện tích canh tác bình quân mỗi lao động nông nghiệp của Việt Nam chỉ đạt 0,34 ha, chỉ bằng khoảng một nửa (0,6-0,8 lần) so với Campuchia, Myanmar hay Philippines (World Bank, 2016). Thực trạng manh mún đất đai là cản trở đáng kể đối với quá trình hiện đại hóa ngành nông nghiệp, tiến tới nông nghiệp xanh trong tương lai ở nước ta. Đây là một thách thức vô cùng lớn khi tổ chức lại một nền sản xuất theo hướng lớn, tập trung. Thực tiễn cho thấy, Chính phủ đã đề ra mục tiêu giảm mức độ manh mún đất đai thông qua chương trình dồn điền, đổi thửa (Điều 78, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai) khuyến khích các hộ nông dân đổi ruộng cho nhau để có các mảnh liền thửa và gia nhập hợp tác xã hoặc nông hộ có thể cho doanh nghiệp thuê đất. Tuy nhiên, tại hầu hết các địa phương trong cả nước, thị trường cho thuê đất nông nghiệp vẫn chưa phát triển, do hạn chế về quy mô thửa ruộng, giá trị đất nông nghiệp cho thuê không cao, và công tác định giá vẫn còn nhiều tồn tại, vướng mắc.

### ***Thứ hai, yếu tố môi trường, biến đổi khí hậu***

Có thể thấy, điểm nhấn quan trọng trong nông nghiệp xanh chính là nhận thức về vai trò của môi trường trong sản xuất nông nghiệp. Ô nhiễm nông nghiệp nhìn chung ít nhận được sự quan tâm. Sự khan hiếm dữ liệu thu thập ô nhiễm nông nghiệp đã làm hạn chế khả năng nghiên cứu của các nhà nghiên cứu về những ảnh hưởng của nó đối với sức khoẻ con người và động vật, đa dạng sinh học, khả năng sinh lời của nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác và tổng giá trị xã hội của sản xuất nông nghiệp. Việc thay đổi tư duy, thói quen sản xuất sử dụng nhiều hóa chất sang sản xuất sinh thái, tuần hoàn, tạo thêm giá trị gia tăng mà lại giảm được phát thải khí nhà kính cho 9 triệu hộ dân sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ là thách thức to lớn.

Cùng với đó, Việt Nam là một trong 5 quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu do có bờ biển dài và nhiều lưu vực sông lớn trong đó 2 vùng Đồng

bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long chịu ảnh hưởng nặng nhất. Do đó, để hạn chế tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu cùng các vấn đề môi trường khác cần có sự hành động quyết liệt từ Chính phủ thông qua các chính sách, các cam kết; chung tay của doanh nghiệp thông qua đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường và hành động của mỗi cá nhân đổi suy nghĩ và thói quen sản xuất nông nghiệp để giảm thiểu tác động tiêu cực.

### ***Thứ ba, nghiên cứu chuyển giao khoa học công nghệ***

Nông nghiệp Việt Nam đang ở bước ngoặt mà một số động lực tăng trưởng truyền thống đang dần suy yếu (như tài nguyên, đất đai), trong khi các động lực mới chưa được hình thành đầy đủ (khoa học công nghệ). Do đó, làm chủ khoa học, công nghệ chính là điểm mấu chốt giúp nông nghiệp Việt Nam bứt phá và tiệm cận với nông nghiệp xanh. Trong bối cảnh đất đai và các nguồn lực ngày càng thu hẹp, nhưng phải đảm bảo tăng chất lượng, hiệu quả, giảm phát thải khí nhà kính, nông nghiệp phải dựa nhiều hơn vào khoa học, công nghệ. Khoa học, công nghệ phải là động lực chính. Một nền nông nghiệp dựa vào khoa học, công nghệ để phát triển, thì đòi hỏi phải có nhiều lao động có kỹ năng và được đào tạo.

Công tác phối hợp trong khoa học và công nghệ ở Việt Nam còn nhiều hạn chế. Hầu hết, các viện nghiên cứu và trường đại học không làm việc cùng các đơn vị thụ hưởng (doanh nghiệp và người nông dân), những người cần và sử dụng các phát minh/cải tiến. Hệ quả là phần lớn các sản phẩm của các cơ quan nghiên cứu không đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng/người mua sản phẩm. Hơn nữa, sự thiếu phối hợp trong kỹ thuật và chia sẻ dữ liệu cũng làm giảm hiệu quả của quá trình hoạch định chính sách.

### ***Thứ tư, huy động nguồn lực tài chính trong phát triển nông nghiệp xanh và tổ chức liên kết sản xuất.***

Trong bối cảnh hội nhập hiện nay, vai trò doanh nghiệp được xác định là hạt nhân, đầu tàu giúp thúc đẩy nông nghiệp sản xuất theo hướng hàng hóa, quy mô lớn, ứng dụng khoa học - kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu nông sản... Tuy nhiên, hiện nay, số doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp hiện chỉ chiếm 8% tổng số doanh nghiệp trên cả nước, trong đó số doanh nghiệp nông, lâm, thủy sản chiếm 1%. Tình hình thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao (CNC) còn rất hạn chế, do lĩnh vực này vốn chịu nhiều ảnh hưởng của

biến đổi khí hậu, thời tiết, dịch bệnh; thị trường tiêu thụ chưa ổn định; quy mô, nguồn lực của doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp hạn chế khi phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hiệu quả chưa cao. Việc tổ chức lại sản xuất theo chuỗi liên kết, lấy doanh nghiệp là hạt nhân liên kết, tổ chức sản xuất với hộ nông dân, trang trại, Hợp tác xã để ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và quản trị chu trình sản xuất hàng hóa, truy xuất nguồn gốc... còn yếu. Ngoài ra, Việt Nam đang thiếu hạ tầng kết nối, hạ tầng thông tin trong nông nghiệp, nông thôn. Chưa có kênh truyền dẫn chính thống từ các nhà làm chính sách, cơ quan quản lý đến người nông dân trong việc tiếp cận thị trường thế giới và hạn chế những rủi ro trong quá trình thích ứng với các thay đổi ngoại vi đến hoạt động sản xuất nông nghiệp.

### ***Thứ năm, đánh giá và giám sát thuốc trừ sâu, phân bón, và an toàn thực phẩm***

Đây là một trong những điểm yếu của nền nông nghiệp Việt Nam. Chất lượng quản lý của toàn bộ chuỗi giá trị được chia làm ba phân khúc riêng biệt: đầu vào nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp, và phân phối sản phẩm ra thị trường. Hiện có quá nhiều cơ quan chuyên trách để đánh giá và giám sát đối với từng phân khúc nhưng sự phối hợp và hợp tác giữa các cơ quan này là rất hạn chế. Cuối cùng là việc thiếu một hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các thực hành thân thiện với môi trường, như: VietGAP và các tiêu chuẩn tự nguyện khác đã làm hạn chế năng lực của các cơ quan chức năng trong việc giám sát chất lượng của các hóa chất nông nghiệp và chất lượng thực phẩm.

### ***Thứ sáu, trợ cấp cho nông nghiệp xanh***

Gần đây, Chính phủ đã tập trung vào vấn đề này, tuy nhiên, Việt Nam còn đang thiếu một chiến lược rõ ràng (hoặc chỉ là một danh sách ưu tiên) cho công nghệ nông nghiệp xanh để tận dụng lợi thế về sức mạnh của nông nghiệp và nắm bắt thị trường cho sản phẩm nông nghiệp xanh trong tương lai.

### ***Thứ bảy, thuế, phí môi trường và chi trả dịch vụ môi trường***

Hiện nay, mặc dù hệ thống chính sách về tính phí môi trường đã được hoàn thành, tuy nhiên tác động của các quy định vẫn còn hạn chế. Phí môi trường đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn trong việc thu ngân và thực thi, vì sản xuất nông nghiệp của Việt Nam vẫn ở quy mô nhỏ, lượng khí thải từ mỗi hộ gia đình sản xuất nông nghiệp là thấp, trong khi chi phí giao dịch thu lệ phí và thực thi là cao. Đối với thuế môi trường,

do được tính vào giá của sản phẩm, nên trong hầu hết các trường hợp, các hộ gia đình không nhận thức được sự tồn tại của loại thuế này.

Mặc dù chi trả dịch vụ môi trường rừng (FES) đã đạt được những kết quả tích cực, tuy nhiên trong quá trình thực hiện chính sách vẫn còn có những hạn chế, như: việc giải ngân kinh phí cho các doanh nghiệp lâm nghiệp còn chậm, việc thực hiện trách nhiệm của cá nhân đối với FES vẫn chưa đủ, các khoản nợ của FES vẫn còn tồn tại. Bên cạnh đó, sự phối hợp thiếu chặt chẽ giữa các Bộ đã dẫn đến thực trạng các doanh nghiệp từ chối trả FES.

### ***Thứ tám, công tác giáo dục và nâng cao nhận thức***

Công tác truyền thông và nâng cao nhận thức chưa có những bước chuyển đáng kể trong việc thay đổi quan điểm và nhận thức của người sản xuất và tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp. Vai trò của các tổ chức xã hội như Hội Nông dân và Hiệp hội người tiêu dùng Việt Nam trong khuyến khích nông nghiệp xanh vẫn còn hạn chế.

### **3. Chủ trương, chiến lược và chính sách phát triển nông nghiệp xanh bền vững tại Việt Nam**

Trong những năm gần đây, nông nghiệp xanh được xác định là chủ trương quan trọng nhằm hướng đến một mô hình nông nghiệp tăng trưởng bền vững gắn với bảo vệ môi trường. Nhìn chung, hệ thống chính sách, thể chế liên quan đến nông nghiệp xanh của Việt Nam khá đầy đủ với sự phối hợp của nhiều loại công cụ có các chức năng khác nhau.

Ngày 10/6/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 899/2013/QĐ-TTg phê duyệt đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, nhấn mạnh 3 trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường trong phát triển nông nghiệp.

Để triển khai Quyết định số 899/2013/QĐ-TTg, Chính phủ đã đề ra 3 nhóm chính sách:

*Nhóm thứ nhất* quy định trực tiếp liên quan đến nông nghiệp xanh bao gồm quy hoạch và phân vùng sử dụng đất, các yêu cầu về đánh giá môi trường, giám sát và kiểm soát việc sử dụng phân bón thuốc trừ sâu, giám sát các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, các chế tài xử phạt vi phạm môi trường.

*Nhóm chính sách thứ hai* là các công cụ thị trường để giúp người sản xuất nông nghiệp thực hiện các thực hành nông nghiệp thân thiện với môi trường. Các công cụ

của nhóm chính sách này gồm giấy phép khí thải các-bon, trợ cấp hỗ trợ việc nghiên cứu và áp dụng các công nghệ xanh, chi trả dịch vụ môi trường, hình thành các Quỹ Bảo vệ môi trường, áp dụng các loại phí bảo vệ môi trường và thuế sử dụng tài nguyên.

*Nhóm chính sách thứ ba* liên quan đến công nghệ và giáo dục nâng cao nhận thức, bao gồm việc xây dựng các hệ thống cơ sở dữ liệu về nông nghiệp xanh, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ xanh, công bố các trường hợp gây hại môi trường đối với cộng đồng, giáo dục và nâng cao nhận thức, hình thành các nhãn hiệu sinh thái dựa trên các quy trình thân thiện môi trường (VietGAP, UTZ...).

Việt Nam đã thành lập Hội đồng Quốc gia về Phát triển bền vững thúc đẩy thực hiện phát triển bền vững của quốc gia. Đối với ngành nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cũng đã thành lập Ban chỉ đạo về Phát triển bền vững vào năm 2013 để xây dựng các chương trình/kế hoạch hành động cho phát triển bền vững trong kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2015-2020 và lồng ghép nội dung chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2011-2020 vào quá trình hoạch định chính sách.

Tháng 12/2021, tại Hội nghị COP26, Việt Nam đã có những cam kết mạnh mẽ trong đó có 2 nội dung liên quan chặt chẽ đến ngành nông nghiệp là tiền đề thực hiện nền nông nghiệp phát triển bền vững:

(i) Việt Nam đã cùng gần 150 quốc gia cam kết đưa mức phát thải ròng về "0" đến năm 2050; cùng với hơn 100 quốc gia tham gia cam kết giảm phát thải khí methane toàn cầu vào năm 2030 so với năm 2010;

(ii) Việt Nam cùng 141 quốc gia tham gia “Tuyên bố Glasgow của các nhà lãnh đạo về rừng và sử dụng đất”.

Bên cạnh đó, tại Hội nghị Thượng đỉnh của Liên Hợp Quốc về hệ thống lương thực - thực phẩm, Việt Nam đặt mục tiêu trở thành quốc gia sản xuất và cung cấp thực phẩm minh bạch - trách nhiệm - bền vững, đáp ứng yêu cầu an ninh lương thực và dinh dưỡng của khoảng 100 triệu dân Việt Nam và xuất khẩu.

Cam kết tại COP26 là những minh chứng cho thấy sự nhạy bén, tầm nhìn mang tầm thời đại của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao bởi các cam kết của Việt Nam hoàn toàn phù hợp với xu thế chung của nhân loại. Ngay sau COP26, Chính phủ tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý liên quan, xây dựng các

kế hoạch, biện pháp, lộ trình cụ thể; rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch có liên quan; huy động nguồn lực đầu tư cho hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu; tận dụng sự dịch chuyển của nguồn tài chính toàn cầu; thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu...

Nằm trong nỗ lực thực hiện tiến trình đó, tháng 01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt "Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững, giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050" nhằm "Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia, góp phần quan trọng trong việc ổn định kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và thực hiện có hiệu quả các cam kết quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính... Sản xuất nông nghiệp có trách nhiệm, hiện đại, hiệu quả và bền vững. Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, ít phát thải, thân thiện với môi trường và thích ứng với khí hậu...". Như vậy, mục tiêu chiến lược là cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới, được thiết kế xoay quanh ba trụ cột gồm nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân thông minh, hoàn toàn phù hợp với các định hướng chiến lược của quốc gia trong thời gian tới. Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng đang triển khai xây dựng Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050, bao gồm Kế hoạch "Giảm phát thải khí mê-tan trong lĩnh vực nông nghiệp đến năm 2030".

Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/2018/NĐ-CP về nông nghiệp hữu cơ để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, nhóm hộ sản xuất sản phẩm hữu cơ. Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 885/QĐ-TTg, ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Đề án được xây dựng trên cơ sở từ chính thực tiễn, phương thức và định hướng chung của Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

#### **4. Điểm sáng về phát triển nông nghiệp xanh thành công tại Việt Nam**

Nông nghiệp xanh là cách tối ưu hóa nguồn lực để sản xuất nhiều thực phẩm hơn, chất lượng hơn nhưng tiêu tốn nguyên liệu đầu vào ít hơn, đóng góp ít hơn lượng phát thải khí nhà kính. Nông nghiệp xanh là nền nông nghiệp sản xuất áp dụng đồng bộ các quy trình, công nghệ sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư đầu vào cho sản xuất, sử dụng



hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nông nghiệp xanh hướng đến nâng cao tính cạnh tranh của nông sản, phát triển công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, phế thải, ổn định kinh tế và giúp cho người nông dân có chất lượng cuộc sống tốt hơn, bảo vệ các nguồn tài nguyên và hệ sinh thái nông nghiệp... đảm bảo nông nghiệp bền vững trên cả trụ cột kinh tế - xã hội và môi trường, góp phần vào sự phát triển kinh tế xanh. Thời gian qua, đã có nhiều mô hình canh tác tiên tiến được thực hiện, ứng dụng các kỹ thuật và công nghệ, quy trình nuôi trồng quy chuẩn, thân thiện với môi trường và cho năng suất, chất lượng môi trường cao.

- Sự phát triển của các mô hình canh tác lúa bền vững (3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, 1 phải 6 giảm, SRI, ICM...) trong những năm gần đây tiếp tục cho thấy sự chuyển biến rõ về nhận thức, thay đổi tập quán canh tác lâu đời của người nông dân trồng lúa tại Việt Nam. Nhiều địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã đã nâng cao về nhận thức cho nông dân trong việc giảm lượng giống gieo sạ, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo “4 đúng”, giảm lượng phân bón vô cơ, đi đôi với nhiều tiến bộ kỹ thuật như "3 giảm 3 tăng", "1 phải 5 giảm", kỹ thuật tưới nông - lộ - phơi... Những giải pháp, quy trình kỹ thuật đồng bộ này đã và đang mang lại nhiều lợi ích trong thực tiễn, giúp giảm chi phí sản xuất và giảm gây ô nhiễm môi trường (tiết kiệm được 30%-50% lượng giống, từ 30%-40% phân bón hóa học, 30% lượng thuốc trừ sâu, 20%-30% công lao động, trong khi năng suất lúa tăng 10%-15% và lợi nhuận cũng tăng 10%-20%). Các ruộng lúa được áp dụng kỹ thuật tưới nông - lộ - phơi giúp giảm 20%-40% lượng phát thải khí nhà kính so với các ruộng lúa để ngập nước suốt cả vụ.

- Mô hình lúa – tôm, lúa – cá... không chỉ nâng cao giá trị cho sản xuất, mà còn giúp giải quyết vấn đề giảm phát thải khí nhà kính, xây dựng nền nông nghiệp xanh. Đây là một trong những mô hình điển hình trong việc thích nghi với biến đổi khí hậu của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Không chỉ có sản phẩm đặc sản, giá trị cao, người sản xuất còn bán được cả giá trị nhân văn của người dân Đồng bằng sông Cửu Long trong canh tác lúa. Trong khi đó, trên thị trường thế giới, nhiều quốc gia đã khuyến khích, ưu tiên nhập khẩu các sản phẩm sinh thái, sản phẩm hữu cơ. Người tiêu dùng EU sẵn sàng trả giá cao cho các sản phẩm nông nghiệp bền vững.

- Trong chăn nuôi, việc xử lý chất thải, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp... bằng cách xây dựng kinh tế tuần hoàn đang được áp dụng với những quy mô khác nhau. Cùng với các công trình khí sinh học, ngành chăn nuôi đang đẩy mạnh hướng dẫn nông dân thu gom chất thải vật nuôi để nuôi trùn quế, ruồi lính đen... tạo nguồn protein làm thức ăn cho vật nuôi trong bối cảnh giá thức ăn chăn nuôi tăng cao, vừa chuyển hóa chất thải thành phân bón hữu cơ, giảm tác hại đến môi trường.

- Cũng với xu hướng tận dụng và khai thác hết giá trị của một sản phẩm nông nghiệp thay cho chỉ khai thác một khía cạnh kinh tế của sản phẩm, cách sản xuất sản phẩm, kinh doanh quá trình hình thành sản phẩm thông qua gắn kết du lịch đang giúp người nông dân tăng thêm thu nhập. Phát triển nông nghiệp gắn với du lịch cũng đang là một hướng đi trong phát triển nông nghiệp xanh được nhiều địa phương khai phá. Những trang trại có thể gắn kết với các làng nghề truyền thống xung quanh trên cơ sở nghiên cứu lịch sử, văn hóa, tạo các sản phẩm nông nghiệp xanh, sạch, an toàn của vùng để thu hút, phục vụ khách du lịch. Sự liên kết trong và ngoài vùng thông qua thị trường du khách để tìm kiếm đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp đặc sản, đặc hữu, như: thảo dược, sữa, chè, rau quả sạch... Nhiều vùng, 50% thu nhập của nông dân đến từ dịch vụ, như: cho thuê homestay, tham quan, trải nghiệm công việc nhà nông...

## **5. Đề xuất chính sách**

Để vượt qua những rào cản khi thực hiện nông nghiệp xanh và nắm bắt cơ hội trong bối cảnh phát triển mới, xin đề xuất một số định hướng:

**Một là, xác định tầm nhìn nông nghiệp xanh:** Ưu tiên hàng đầu đối với các đơn vị chính quyền cấp quốc gia, tỉnh/thành phố và địa phương là phát triển một khái niệm và các chỉ số về nông nghiệp xanh hoặc một tầm nhìn cho nông nghiệp xanh. Trong chiến lược này, mục tiêu phát triển ngành cần được tích hợp với mục tiêu bảo vệ tài nguyên môi trường; mục tiêu phát triển nông nghiệp nông thôn xanh cần phải phù hợp với mục tiêu phát triển các ngành khác. Điều này đòi hỏi sự gắn kết và tham gia của nhiều đối tượng, những người có thể chia sẻ tầm nhìn và cùng thực hiện.

**Hai là, xây dựng hệ thống chính sách nông nghiệp xanh và xác định rõ vai trò của chính sách trung ương và địa phương:** Dựa trên tầm nhìn này, cần thiết xây dựng hỗ trợ chính sách cấp cao và đa ngành để triển khai bản chiến lược tăng trưởng nông nghiệp xanh và thiết lập các tiêu chuẩn nhằm bảo vệ sức khỏe con người, hệ sinh thái

và tiếp cận tài nguyên. Vai trò rõ ràng của các cấp chính quyền rất quan trọng trong việc đảm bảo sự thành công khi thực hiện chiến lược tăng trưởng nông xanh trong nghiệp xanh.

**Ba là, nhân rộng các mô hình nông nghiệp xanh:** Các tổ chức xã hội dân sự đã phát triển nhiều mô hình thí điểm, nghiên cứu các phương pháp sản xuất mới và thực hành quản lý tài nguyên thiên nhiên đã khắc phục được sự đánh đổi giữa năng suất nông nghiệp và mục tiêu môi trường. Do đó, cần phải đánh giá các tác động kinh tế, xã hội và môi trường của thực hành nông nghiệp xanh và kiểm tra những ưu điểm/nhược điểm của các mô hình này để nâng cấp, tăng quy mô và nhân rộng.

**Bốn là, hỗ trợ và tích hợp các chứng chỉ môi trường vào chiến lược chính sách:** Chứng nhận nói chung không phải là điều kiện đủ để đạt được các mục tiêu môi trường. Các tiêu chuẩn có xu hướng tập trung vào biện pháp canh tác ở cấp độ trang trại chứ không phải các mục đích sử dụng đất và sản xuất trong một không gian lớn, do đó hiệu quả của chứng nhận trong việc đẩy mạnh đa dạng ngoài quy mô trang trại nói chung là thấp. Vì vậy, các công cụ bổ sung khác, như: khuyến nông, quy hoạch sử dụng đất hoặc quản lý cảnh quan tích hợp là cần thiết để nâng cao hiệu quả các chứng chỉ môi trường.

**Năm là, thúc đẩy liên kết nông dân - doanh nghiệp trong sản xuất nông nghiệp xanh:** Các biện pháp canh tác của nông nghiệp xanh chỉ có thể thực hiện lâu dài nếu nông dân thu được nhiều lợi nhuận hơn so với phương thức canh tác truyền thống. Điều này chỉ được đảm bảo nếu sản phẩm nông nghiệp xanh được bán ở các kênh thị trường giá trị cao, mà người nông dân thường không vươn tới được do giới hạn về năng lực. Trên thực tế, hiện nay, doanh nghiệp là chìa khóa thúc đẩy chuỗi giá trị xanh ở Việt Nam do họ có vốn, năng lực quản lý và khả năng tiếp cận thông tin. Các doanh nghiệp nên tổ chức, định hướng và tạo điều kiện để các hộ nông dân nhỏ tiếp cận được với thị trường nông nghiệp xanh. Bên cạnh đó, Nhà nước nên hỗ trợ vốn và công nghệ để thúc đẩy phương pháp này trong việc tạo ra các chuỗi giá trị nông nghiệp xanh.

**Sáu là, thúc đẩy đa dạng hóa trong sử dụng đất dựa trên tiếp cận cảnh quan xanh:** Một khi hệ thống chính sách nông nghiệp xanh và vai trò tương ứng của chính sách Trung ương và địa phương được xác định rõ ràng, có thể bắt đầu quy trình lập kế hoạch cảnh quan nông nghiệp. Tiếp cận cảnh quan thường được áp dụng trên một vùng

sinh thái rộng, tại đó các ngành, Trung ương và địa phương sẽ cùng thảo luận để có được một quy hoạch cảnh quan phù hợp, đảm bảo nhu cầu phát triển sản xuất và các dịch vụ môi trường.

## **6. Kết luận**

Ngành nông nghiệp Việt Nam đã đạt được một số kết quả tích cực để phát triển một nền nông nghiệp xanh hướng tới phát triển bền vững. Tuy nhiên, để thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp xanh theo hướng bền vững, trong thời gian tới, Việt Nam cần phải có những nỗ lực rất lớn, không chỉ từ phía Chính phủ, mà cả khối tư nhân gồm các doanh nghiệp và người sản xuất trực tiếp cùng tham gia thực hiện ở các quy mô khác nhau để khơi thông nguồn lực đầu tư của toàn xã hội đầu tư cho phát triển hạ tầng nông nghiệp. Cùng với đó, Việt Nam cần xác định tầm nhìn nông nghiệp xanh và xây dựng hệ thống chính sách nông nghiệp xanh, cũng như xác định rõ vai trò của chính sách trung ương và địa phương, nhân rộng các mô hình nông nghiệp xanh..../.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 885/QĐ-TTg, ngày 23/6/2020 phê duyệt đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030*
2. Thủ tướng Chính phủ (2013). *Quyết định số 899/2013/QĐ-TTg, ngày 10/6/2013 phê duyệt đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng cao và phát triển bền vững*
3. Thủ tướng Chính phủ (2013). *Quyết định số 150/QĐ-TTg, ngày 28/01/2022 phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*